

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 75/2018/HS-PT

Ngày: 06-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Anh Phương

Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2018/HSPT ngày 29/01/2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn H, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN H**, sinh năm 1962; tại tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi cư trú: Thôn K, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/10; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Phan Thị N; bị cáo có vợ là Phan Thị Liên H2 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1996.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01/2011, Nguyễn Văn H gặp Bùi Trung T (hiện đã chết) tại UBND xã C, huyện B, H và T đã thỏa thuận với nhau là T làm cho H 01 giấy chứng nhận bị thương binh và 01 giấy xuất ngũ giả với giá là 2.000.000đ. Khoảng ba ngày sau T làm cho H 01 giấy chứng nhận bị thương giả số 42/CNBT, ngày 15/10/1984 và 01 giấy xuất ngũ giả số 136, ngày 16/01/1986 của Trung đoàn 812, do trung tá Phí Huy Đ ký rồi đưa cho H. Khi có giấy chứng nhận bị thương giả H

làm hồ sơ nộp tại UBND xã C để làm chế độ thương binh. UBND xã C lập biên bản đề nghị xác nhận thương binh cho H. H đem hồ sơ nộp tại phòng chính sách thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk và được phê duyệt chuyển cho phòng chính sách thuộc Cục chính trị Bộ tư lệnh quân khu 5 để giám định. Tại biên bản giám định thương tật số 19.288/GĐYK, ngày 24/4/2013 của Hội đồng giám định y khoa quân khu 5 xác định tỷ lệ thương tật của Nguyễn Văn H là 25%, vĩnh viễn. Ngày 25/5/2013, Bộ tư lệnh quân khu 5 có quyết định số 68/QĐ về việc cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật. Bộ tư lệnh quân khu 5 chuyển hồ sơ về cho Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Đắk Lắk để cấp chế độ thương binh cho Nguyễn Văn H theo chế độ, sau đó hồ sơ được chuyển về cho Phòng lao động thương binh và xã hội huyện B chi trả trợ cấp thương binh cho Nguyễn Văn H theo quy định. Từ tháng 5/2014 đến tháng 7/2016, Phòng lao động và thương binh xã hội huyện B đã chi trả cho Nguyễn Văn H số tiền 57.602.000đ, trong đó tiền hưởng trợ cấp thương binh hàng tháng là 52.882.000đ; tiền quà, lễ tết là 2.500.000đ; tiền điều dưỡng 2.200.000đ. Đến ngày 01/8/2016 Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Đắk Lắk tạm đình chỉ trợ cấp chế độ thương binh hàng tháng cho Nguyễn Văn H.

Quá trình điều tra xác định được: Nguyễn Văn H có tham gia quân đội như sau: Vào năm 1982 công tác tại Trung đoàn 112, thuộc Bộ tư lệnh đặc công. Năm 1983 chuyển đến Trung đoàn 821, thuộc quân khu 2 Bộ tư lệnh đặc công. Đến năm 1986 H được xuất ngũ. Trong quá trình tham gia quân đội Nguyễn Văn H không được cấp giấy chứng nhận bị thương.

Tại công văn số 61/GĐKTHS-P11, ngày 25/5/2016 của phòng kỹ thuật hình sự, Bộ quốc phòng xác định: giấy chứng nhận bị thương số 42/CNBT, ngày 15/10/1984 của Trung đoàn 821, ghi cấp cho Nguyễn Văn H sinh năm 1962 – ký hiệu A94 "Phần chữ in phôi tài liệu được hình thành bằng các hạt mực laze" và tại tiểu mục 1.2 của công văn số 681/LĐTĐBXH-TTr, ngày 23/02/2017 của Bộ lao động thương binh và xã hội xác định: 186 trường hợp sử dụng tài liệu không đảm bảo tính pháp lý để xác lập hồ sơ hưởng chế độ thương binh, vì kết quả giám định kỹ thuật hình sự xác định tài liệu cấp trước năm 1990, nhưng nội dung trên tài liệu được hình thành bằng các hạt mực laze và các tài liệu cấp cho các trường hợp ở các đơn vị khác nhau, trong cùng một khoảng thời gian nhưng do cùng một người viết ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn H 01 năm tù, về tội " *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2018, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn H và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt; Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định việc Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi lẽ, bị cáo biết rõ tài sản của Nhà nước được pháp luật bảo vệ, nhưng với mục đích tư lợi cá nhân bị cáo đã có hành vi mua giấy chứng nhận bị thương giả và giấy chứng nhận xuất ngũ giả để làm hồ sơ thương binh; số tiền bị cáo đã chiếm đoạt có giá trị lớn là 57.602.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là đã áp dụng hình phạt nhẹ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng, đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: **NGUYỄN VĂN H 01 (Một) năm tù**, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

[2] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- THA Hình sự Công an huyện Krông Búk;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức